

DANH SÁCH PHÒNG THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NGÀY THI 25/10/2020

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Ghi chú	Phòng thi	GĐ thi
1	CH280004	Đoàn Thị	An	04/11/1994	CĐR - HV	1	C101
2	CH281120	Hồ Sỹ	An	25/03/1985	CĐR - HV	1	C101
3	CH280896	Phạm Quốc	Ân	03/06/1990	CĐR - HV	1	C101
4	CH280268	Cao Thị Diệp	Anh	17/12/1995	CĐR - HV	1	C101
5	CH280764	Cao Thị Tú	Anh	30/01/1991	CĐR - HV	1	C101
6	CH280349	Dương Lưu Tuấn	Anh	17/11/1996	CĐR - HV	1	C101
7	DHCC9302	Dương Tuấn	Anh	30/04/1992	CĐR - HV	1	C101
8	CH281123	Hồ Thị Mai	Anh	28/08/1995	CĐR - HV	1	C101
9	CH280167	Lê Quốc	Anh	02/01/1988	CĐR - HV	1	C101
10	CH280948	Lương Thị Hoàng	Anh	05/11/1993	CĐR - HV	1	C101
11	CH280362	Ngô Thị Phương	Anh	20/11/1994	CĐR - HV	1	C101
12	DHCC9101	Nguyễn Hoàng	Anh	24/12/1979	CĐR - HV	1	C101
13	CH281064	Nguyễn Kỳ	Anh	02/10/1993	CĐR - HV	1	C101
14	CH280008	Nguyễn Ngân	Anh	07/11/1994	CĐR - HV	1	C101
15	DHCC9304	Nguyễn Ngọc	Anh	08/03/1977	CĐR - HV	1	C101
16	CH281124	Nguyễn Phương	Anh	14/10/1990	CĐR - HV	1	C101
17	CH281003	Nguyễn Thị Vân	Anh	16/11/1992	CĐR - HV	1	C101
18	CH280507	Nguyễn Tú	Anh	04/09/1993	CĐR - HV	1	C101
19	CH281004	Nguyễn Việt	Anh	01/09/1987	CĐR - HV	1	C101
20	CH280509	Phạm Thị Lan	Anh	01/12/1996	CĐR - HV	1	C101
21	CH281121	Phan Thế	Anh	18/09/1981	CĐR - HV	1	C101
22	CH281001	Tạ Thị Lường	Anh	15/06/1989	CĐR - HV	1	C101
23	CH281122	Vương Ngọc	Anh	22/09/1989	CĐR - HV	1	C101
24	CH280949	Hoàng Ngọc	Ánh	16/09/1991	CĐR - HV	1	C101
25	CH280798	Hoàng Thị Hồng	Ánh	26/09/1974	CĐR - HV	1	C101
26	CH280227	Hoàng Văn	Ánh	17/08/1994	CĐR - HV	1	C101
27	DHCC9102	Nguyễn Quốc	Ánh	10/06/1983	CĐR - HV	1	C101
28	CH280012	Bùi Văn	Ba	25/10/1992	CĐR - HV	1	C101
29	CH281125	Nguyễn Trung	Bắc	28/04/1992	CĐR - HV	1	C101
30	CH280516	Đặng Xuân	Bách	09/11/1996	CĐR - HV	1	C101
31	CH280518	Nguyễn Hồng	Bàng	11/11/1995	CĐR - HV	1	C101
32	CH281066	Vì Tuấn	Bảo	19/10/1987	CĐR - HV	1	C101
33	CH280378	Nguyễn Ngọc	Bích	01/10/1988	CĐR - HV	1	C101
34	CH281126	Đào Thị Thái	Bình	12/02/1981	CĐR - HV	1	C101
1	CH280379	Đỗ Lệ Thanh	Bình	08/01/1996	CĐR - HV	2	C102
2	CH280178	Nguyễn Thị	Bình	28/09/1994	CĐR - HV	2	C102
3	CH281127	Nguyễn Thị An	Bình	07/11/1996	CĐR - HV	2	C102
4	CH281199	Nguyễn Xuân	Bình	08/09/1987	CĐR - HV	2	C102
5	DHCC9306	Phạm Hải	Bình	11/02/1978	CĐR - HV	2	C102
6	CH281200	Phạm Thanh	Bình	18/04/1973	CĐR - HV	2	C102
7	CH280897	Phan Công	Bình	21/01/1983	CĐR - HV	2	C102
8	CH281201	Trịnh Thế	Bình	23/08/1981	CĐR - HV	2	C102
9	CH280799	La Thị	Cần	04/09/1988	CĐR - HV	2	C102
10	CH281005	Trịnh Minh	Cấp	20/09/1981	CĐR - HV	2	C102
11	CH281202	Vàng A	Chái	05/10/1985	CĐR - HV	2	C102
12	CH280950	Nguyễn Quỳnh	Châm	15/04/1995	CĐR - HV	2	C102
13	CH280898	Nguyễn Thị Hồng	Châm	10/04/1984	CĐR - HV	2	C102
14	CH281203	Đặng Việt	Châu	19/05/1985	CĐR - HV	2	C102
15	CH281128	Lê Hải	Châu	26/03/1992	CĐR - HV	2	C102
16	CH280015	Lê Ngọc	Châu	02/11/1993	CĐR - HV	2	C102
17	CH280800	Nguyễn Thị Minh	Châu	15/03/1985	CĐR - HV	2	C102
18	CH280381	Hoàng Huệ	Chi	13/09/1996	CĐR - HV	2	C102

DANH SÁCH PHÒNG THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NGÀY THI 25/10/2020

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Ghi chú	Phòng thi	GD thi
19	CH281129	Lê Thị Linh	Chi	03/02/1995	CĐR - HV	2	C102
20	CH281204	Nguyễn Văn	Chi	22/04/1989	CĐR - HV	2	C102
21	CH280382	Lô Văn	Chí	09/06/1985	CĐR - HV	2	C102
22	CH281130	Nguyễn Văn	Chiến	16/02/1983	CĐR - HV	2	C102
23	CH280899	Nguyễn Việt	Chiến	14/12/1975	CĐR - HV	2	C102
24	DHCC9104	Đặng Xuân	Chinh	15/05/1984	CĐR - HV	2	C102
25	CH281067	Quảng Xuân	Chính	11/05/1974	CĐR - HV	2	C102
26	CH281205	Sùng A	Chua	23/06/1982	CĐR - HV	2	C102
27	DHCC9308	Đào Ngọc	Chung	19/10/1982	CĐR - HV	2	C102
28	DHCC9105	Hồ Đình	Chung	10/06/1988	CĐR - HV	2	C102
29	CH281131	Nguyễn Sỹ	Chung	20/11/1997	CĐR - HV	2	C102
30	CH281006	Nguyễn Thành	Chung	26/02/1991	CĐR - HV	2	C102
31	DHCC9106	Nguyễn Văn	Chung	26/08/1977	CĐR - HV	2	C102
32	CH281132	Phạm Duy	Chung	15/10/1978	CĐR - HV	2	C102
33	DHCC9309	Nguyễn Văn Toàn	Cơ	26/11/1982	CĐR - HV	2	C102
34	CH280951	Lương Chí	Công	06/06/1975	CĐR - HV	2	C102
1	CH280017	Nguyễn Văn	Công	11/11/1994	CĐR - HV	3	C103
2	CH280952	Nông Đình	Công	15/09/1980	CĐR - HV	3	C103
3	CH281206	Sùng Thành	Công	06/03/1988	CĐR - HV	3	C103
4	CH280274	Đậu Thị	Cúc	22/12/1990	CĐR - HV	3	C103
5	DHCC9310	Mai Đặng Duy	Cương	12/06/1987	CĐR - HV	3	C103
6	CH280900	Bùi Tuấn	Cường	28/11/1989	CĐR - HV	3	C103
7	CH280802	Đỗ Kiên	Cường	06/04/1980	CĐR - HV	3	C103
8	CH280901	Nguyễn Cao	Cường	06/10/1993	CĐR - HV	3	C103
9	CH280803	Nguyễn Sỹ	Cường	05/11/1991	CĐR - HV	3	C103
10	DHCC9107	Phạm Mạnh	Cường	20/08/1976	CĐR - HV	3	C103
11	CH280801	Phan Mạnh	Cường	27/11/1989	CĐR - HV	3	C103
12	CH280198	Phan Tuấn	Cường	08/06/1995	CĐR - HV	3	C103
13	CH280277	Trần Mạnh	Cường	23/10/1992	CĐR - HV	3	C103
14	CH281008	Triệu Mạnh	Cường	10/02/1991	CĐR - HV	3	C103
15	CH281068	Vì Mạnh	Cường	27/12/1995	CĐR - HV	3	C103
16	CH281069	Vũ Quốc	Cường	30/05/1984	CĐR - HV	3	C103
17	DHCC9108	Lê Minh	Đại	31/07/1982	CĐR - HV	3	C103
18	CH270505	Nguyễn Thị	Đam	29/12/1994	CĐR - HV	3	C103
19	CH280532	Vương Quốc	Đàm	15/03/1991	CĐR - HV	3	C103
20	CH280953	Hoàng Thị	Đào	25/07/1979	CĐR - HV	3	C103
21	CH281009	Ngô Đức	Đạt	15/01/1993	CĐR - HV	3	C103
22	CH280534	Nguyễn Tiến	Đạt	15/11/1996	CĐR - HV	3	C103
23	CH280902	Trần Mạnh	Đạt	26/11/1996	CĐR - HV	3	C103
24	CH281070	Cầm Thị	Diện	08/10/1988	CĐR - HV	3	C103
25	CH260403	Bùi Thị	Diệp	02/12/1992	CĐR - HV	3	C103
26	DHCC9109	Bùi Xuân	Diệp	29/02/1984	CĐR - HV	3	C103
27	CH280536	Phạm Ngọc	Diệp	26/01/1996	CĐR - HV	3	C103
28	CH281071	Phạm Ngọc	Diệp	25/08/1987	CĐR - HV	3	C103
29	CH280903	Bùi Phan	Diệp	28/12/1981	CĐR - HV	3	C103
30	CH281010	Trần Anh	Diệp	24/10/1992	CĐR - HV	3	C103
31	CH280278	Vô Thanh	Diệp	20/10/1988	CĐR - HV	3	C103
32	CH281011	Vương Ngọc	Diệp	24/04/1983	CĐR - HV	3	C103
33	CH280804	Lê Hải	Định	29/07/1986	CĐR - HV	3	C103
34	CH281072	Trần Hồng	Địu	10/06/1989	CĐR - HV	3	C103
1	CH281073	Nguyễn Thành	Đô	23/10/1990	CĐR - HV	4	C104
2	CH281133	Nguyễn Minh	Đông	18/12/1983	CĐR - HV	4	C104

DANH SÁCH PHÒNG THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NGÀY THI 25/10/2020

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Ghi chú	Phòng thi	GĐ thi
3	DHCC9110	Nguyễn Tấn	Đông	17/11/1977	CĐR - HV	4	C104
4	DHCC9111	Vũ Tuấn	Đông	20/09/1984	CĐR - HV	4	C104
5	DHCC9112	Đặng Minh	Đức	01/07/1985	CĐR - HV	4	C104
6	CH281135	Nguyễn Văn	Đức	11/06/1987	CĐR - HV	4	C104
7	CH281134	Nguyễn Văn	Đức	20/10/1980	CĐR - HV	4	C104
8	DHCC9113	Phạm Minh	Đức	28/02/1982	CĐR - HV	4	C104
9	CH280386	Phạm Trung	Đức	29/01/1995	CĐR - HV	4	C104
10	CH280189	Trần Ngọc	Đức	14/06/1996	CĐR - HV	4	C104
11	CH280282	Trương Việt	Đức	24/06/1997	CĐR - HV	4	C104
12	CH280540	Bùi Thị	Dung	01/06/1994	CĐR - HV	4	C104
13	CH281075	Lò Thị	Dung	27/10/1989	CĐR - HV	4	C104
14	CH280904	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	20/07/1981	CĐR - HV	4	C104
15	CH281012	Nguyễn Thị Thùy	Dung	25/11/1992	CĐR - HV	4	C104
16	CH280954	Trần Thủy	Dung	22/09/1994	CĐR - HV	4	C104
17	CH281136	Trương Thị Vân	Dung	13/10/1984	CĐR - HV	4	C104
18	CH281013	Lê Anh	Dũng	17/01/1984	CĐR - HV	4	C104
19	CH280955	Nguyễn Anh	Dũng	10/11/1995	CĐR - HV	4	C104
20	CH281137	Nguyễn Anh	Dũng	12/09/1990	CĐR - HV	4	C104
21	DHCC9114	Nguyễn Hữu	Dũng	26/11/1975	CĐR - HV	4	C104
22	DHCC9115	Nguyễn Quang	Dũng	19/09/1988	CĐR - HV	4	C104
23	DHCC9116	Nguyễn Trịnh	Dũng	21/01/1980	CĐR - HV	4	C104
24	DHCC9117	Nguyễn Văn	Dũng	12/11/1978	CĐR - HV	4	C104
25	CH280553	Nguyễn Việt	Dũng	20/09/1982	CĐR - HV	4	C104
26	CH280021	Trần Đăng	Dũng	22/03/1995	CĐR - HV	4	C104
27	CH280556	Trần Văn	Dũng	03/04/1994	CĐR - HV	4	C104
28	CH280956	Vì Trung	Dũng	27/11/1981	CĐR - HV	4	C104
29	CH280805	Vũ Tiên	Dũng	07/02/1979	CĐR - HV	4	C104
30	CH280806	Lục Xuân	Dương	24/11/1988	CĐR - HV	4	C104
31	CH280388	Ngô Minh	Dương	20/08/1988	CĐR - HV	4	C104
32	CH280143	Nguyễn Thái	Dương	16/08/1993	CĐR - HV	4	C104
33	CH281138	Nguyễn Văn	Dương	12/10/1992	CĐR - HV	4	C104
34	DHCC9314	Trần Thọ	Dương	23/04/1982	CĐR - HV	4	C104
1	CH280905	Lê Minh	Duy	15/06/1994	CĐR - HV	5	C105
2	CH280564	Nguyễn Đức	Duy	27/12/1993	CĐR - HV	5	C105
3	CH281076	Phan Kim	Duyên	05/11/1995	CĐR - HV	5	C105
4	CH280807	Triệu Thị	Duyên	07/10/1984	CĐR - HV	5	C105
5	CH280569	Bùi Trường	Giang	06/09/1990	CĐR - HV	5	C105
6	CH280182	Dương Hoàng	Giang	07/11/1994	CĐR - HV	5	C105
7	CH280022	Nguyễn Hương	Giang	23/04/1988	CĐR - HV	5	C105
8	CH281015	Nguyễn Minh	Giang	10/02/1996	CĐR - HV	5	C105
9	DHCC9118	Nguyễn Minh	Giang	12/07/1980	CĐR - HV	5	C105
10	DHCC8109	Nguyễn Trường	Giang	10/02/1982	CĐR - HV	5	C105
11	CH280808	Nông Long	Giang	27/10/1978	CĐR - HV	5	C105
12	CH281016	Phạm Trường	Giang	23/11/1993	CĐR - HV	5	C105
13	CH281139	Phan Thanh	Giang	11/05/1979	CĐR - HV	5	C105
14	CH281017	Trần	Giang	20/11/1972	CĐR - HV	5	C105
15	DHCC9315	Trịnh Kim	Giang	03/01/1986	CĐR - HV	5	C105
16	CH280809	Đàm Thị Thu	Hà	24/04/1990	CĐR - HV	5	C105
17	CH280390	Đặng Thị Thanh	Hà	18/07/1989	CĐR - HV	5	C105
18	CH280958	Hoàng Ngọc	Hà	05/09/1992	CĐR - HV	5	C105
19	CH280571	Hoàng Thị Thu	Hà	11/06/1994	CĐR - HV	5	C105
20	CH281018	Lê Mạnh	Hà	11/01/1978	CĐR - HV	5	C105

DANH SÁCH PHÒNG THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NGÀY THI 25/10/2020

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Ghi chú	Phòng thi	GĐ thi
21	DHCC9120	Lê Thu	Hà	06/10/1981	CĐR - HV	5	C105
22	CH270221	Ngân Thị Hoàng	Hà	09/11/1993	CĐR - HV	5	C105
23	CH281019	Nguyễn Ngọc	Hà	17/12/1991	CĐR - HV	5	C105
24	CH281207	Nguyễn Thị Thu	Hà	29/10/1983	CĐR - HV	5	C105
25	CH280029	Tô Thị	Hà	09/10/1984	CĐR - HV	5	C105
26	CH281079	Đặng Mạnh	Hải	27/03/1990	CĐR - HV	5	C105
27	CH280906	Hà Tuấn	Hải	09/10/1986	CĐR - HV	5	C105
28	CH281020	Hoàng Minh	Hải	14/05/1994	CĐR - HV	5	C105
29	CH281021	Nguyễn Hữu	Hải	09/06/1994	CĐR - HV	5	C105
30	CH280907	Nguyễn Thế	Hải	09/11/1979	CĐR - HV	5	C105
31	CH281140	Nguyễn Thị	Hải	10/02/1984	CĐR - HV	5	C105
32	DHCC9317	Nguyễn Thị	Hải	30/08/1976	CĐR - HV	5	C105
33	CH280391	Nguyễn Thị Ngọc	Hải	12/01/1997	CĐR - HV	5	C105
34	DHCC9122	Nguyễn Văn	Hải	09/03/1991	CĐR - HV	5	C105
1	DHCC9123	Trần Quang	Hải	25/12/1983	CĐR - HV	6	C106
2	CH281141	Nguyễn Trọng	Hân	15/09/1990	CĐR - HV	6	C106
3	CH281142	Hồ Thị Hải	Hăng	20/04/1996	CĐR - HV	6	C106
4	CH280908	Lê Thị Thu	Hăng	08/12/1983	CĐR - HV	6	C106
5	CH280960	Mai Thanh	Hăng	25/01/1985	CĐR - HV	6	C106
6	CH280909	Nguyễn Thị	Hăng	17/04/1990	CĐR - HV	6	C106
7	CH280289	Nguyễn Thị Minh	Hăng	22/08/1994	CĐR - HV	6	C106
8	DHCC9318	Nguyễn Thị Thúy	Hăng	15/04/1979	CĐR - HV	6	C106
9	CH281022	Nguyễn Thu	Hăng	21/06/1991	CĐR - HV	6	C106
10	CH281080	Trần Thị Thu	Hăng	01/09/1990	CĐR - HV	6	C106
11	CH271086	Vi Thanh	Hăng	31/10/1994	CĐR - HV	6	C106
12	CH280961	Vũ Thanh	Hăng	11/12/1995	CĐR - HV	6	C106
13	DHCC9319	Hoàng Minh	Hạnh	21/10/1997	CĐR - HV	6	C106
14	DHCC9320	Lê Đức	Hạnh	05/01/1982	CĐR - HV	6	C106
15	CH281023	Nguyễn Chí Đăng	Hạnh	01/04/1985	CĐR - HV	6	C106
16	CH280290	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	28/12/1996	CĐR - HV	6	C106
17	CH280291	Phan Thị Minh	Hạnh	09/10/1996	CĐR - HV	6	C106
18	CH280144	Trần Thị Mỹ	Hạnh	20/10/1996	CĐR - HV	6	C106
19	CH281024	Lê Quang	Hào	31/08/1992	CĐR - HV	6	C106
20	CH280037	Nguyễn Thị	Hào	16/07/1981	CĐR - HV	6	C106
21	CH281025	Hoàng Thị	Hậu	22/07/1983	CĐR - HV	6	C106
22	CH280810	Hà Thị Thu	Hiên	07/04/1976	CĐR - HV	6	C106
23	DHCC9126	Bùi Thị Thanh	Hiên	07/10/1986	CĐR - HV	6	C106
24	CH280582	Cù Thị	Hiên	18/06/1996	CĐR - HV	6	C106
25	CH281208	Dương Thị Thu	Hiên	05/08/1983	CĐR - HV	6	C106
26	CH281143	Hồ Thị Thu	Hiên	23/02/1988	CĐR - HV	6	C106
27	CH281026	Lưu Thị Thu	Hiên	11/09/1981	CĐR - HV	6	C106
28	CH280910	Nguyễn Thị Thu	Hiên	24/04/1981	CĐR - HV	6	C106
29	DHCC9321	Nguyễn Thị Thu	Hiên	30/06/1980	CĐR - HV	6	C106
30	CH280587	Phan Thị	Hiên	25/01/1996	CĐR - HV	6	C106
31	CH280040	Trần Thu	Hiên	19/03/1991	CĐR - HV	6	C106
32	CH281027	Nguyễn Vinh	Hiên	19/05/1990	CĐR - HV	6	C106
33	DHCC9322	Nguyễn Thanh	Hiệp	26/04/1979	CĐR - HV	6	C106
34	CH281209	Trần Ngọc	Hiệp	12/12/1989	CĐR - HV	6	C106
1	CH280811	Đàm Minh	Hiệu	06/09/1984	CĐR - HV	7	C201
2	CH281028	Đoàn Trung	Hiệu	19/01/1996	CĐR - HV	7	C201
3	CH281029	Mai Xuân	Hiệu	07/05/1995	CĐR - HV	7	C201
4	DHCC9128	Ngô Hữu	Hiệu	29/03/1978	CĐR - HV	7	C201

DANH SÁCH PHÒNG THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NGÀY THI 25/10/2020

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Ghi chú	Phòng thi	GĐ thi
5	CH280591	Nguyễn Công	Hiếu	16/09/1976	CĐR - HV	7	C201
6	CH280911	Trần Trung	Hiếu	02/05/1980	CĐR - HV	7	C201
7	CH280191	Trần Trung	Hiếu	01/12/1991	CĐR - HV	7	C201
8	CH281210	Sùng A	Hờ	29/09/1977	CĐR - HV	7	C201
9	CH280192	Đỗ Diệu	Hoa	27/12/1997	CĐR - HV	7	C201
10	CH280294	Phạm Thị Phương	Hoa	15/04/1996	CĐR - HV	7	C201
11	CH281030	Vũ Anh	Hoa	19/02/1992	CĐR - HV	7	C201
12	CH280962	Triệu Quang	Hoà	19/11/1977	CĐR - HV	7	C201
13	CH281081	Nguyễn Khánh	Hòa	10/04/1990	CĐR - HV	7	C201
14	CH281144	Nguyễn Quang	Hòa	28/08/1986	CĐR - HV	7	C201
15	CH280812	Nông Thị	Hòa	15/06/1978	CĐR - HV	7	C201
16	CH281031	Phùng Thị Thanh	Hòa	22/03/1981	CĐR - HV	7	C201
17	CH280912	Trần Văn	Hòa	17/02/1974	CĐR - HV	7	C201
18	CH280341	Trương Thị Mỹ	Hòa	29/06/1993	CĐR - HV	7	C201
19	CH280045	Mã Thu	Hoài	12/10/1993	CĐR - HV	7	C201
20	CH281145	Nguyễn Thị Ngọc	Hoài	11/07/1987	CĐR - HV	7	C201
21	CH280963	Vũ Thị	Hoan	13/12/1988	CĐR - HV	7	C201
22	CH281082	Hoàng Thị	Hoàn	11/07/1990	CĐR - HV	7	C201
23	CH280596	Nguyễn Văn	Hoàn	28/03/1992	CĐR - HV	7	C201
24	CH281146	Đinh Xuân	Hoàng	01/03/1985	CĐR - HV	7	C201
25	CH281211	Lê Huy	Hoàng	16/12/1980	CĐR - HV	7	C201
26	DHCC9213	Nguyễn Lê	Hoàng	12/01/1981	CĐR - HV	7	C201
27	DHCC9129	Nguyễn Thiên	Hoàng	29/12/1989	CĐR - HV	7	C201
28	DHCC9324	Nguyễn Văn	Hoàng	16/08/1972	CĐR - HV	7	C201
29	CH260051	Phạm Tuấn	Hoàng	02/12/1993	CĐR - HV	7	C201
30	CH280813	Trương Đức	Hoàng	09/04/1984	CĐR - HV	7	C201
31	CH280298	Vương Đức	Hoàng	04/08/1988	CĐR - HV	7	C201
32	CH281212	Tô Văn	Học	14/11/1983	CĐR - HV	7	C201
33	CH281032	Đỗ Thị Minh	Hồng	09/05/1991	CĐR - HV	7	C201
34	DHCC9131	Mai Mạnh	Hồng	14/09/1977	CĐR - HV	7	C201
1	CH280913	Nguyễn Thị Thu	Hồng	30/10/1989	CĐR - HV	8	C202
2	CH281147	Tổng Nguyên	Hồng	30/01/1995	CĐR - HV	8	C202
3	CH280814	Đàm Thị	Huệ	03/10/1983	CĐR - HV	8	C202
4	CH280815	Nguyễn Thị	Huệ	04/07/1980	CĐR - HV	8	C202
5	CH281214	Đặng Tuấn	Hùng	16/03/1978	CĐR - HV	8	C202
6	CH281148	Đậu Quang	Hùng	10/06/1988	CĐR - HV	8	C202
7	CH280603	Hà Sỹ Huy	Hùng	21/06/1991	CĐR - HV	8	C202
8	CH280964	Lâm Việt	Hùng	03/10/1976	CĐR - HV	8	C202
9	CH281033	Lê	Hùng	16/07/1982	CĐR - HV	8	C202
10	CH281149	Nguyễn Anh	Hùng	27/09/1981	CĐR - HV	8	C202
11	DHCC9132	Nguyễn Hữu	Hùng	16/10/1983	CĐR - HV	8	C202
12	CH281150	Nguyễn Mạnh	Hùng	14/04/1990	CĐR - HV	8	C202
13	CH280965	Nguyễn Văn	Hùng	19/08/1976	CĐR - HV	8	C202
14	CH281034	Phan Mạnh	Hùng	26/07/1984	CĐR - HV	8	C202
15	CH280605	Hà Mạnh	Hưng	21/08/1996	CĐR - HV	8	C202
16	DHCC9133	Hoàng Văn	Hưng	20/01/1981	CĐR - HV	8	C202
17	CH281036	Nguyễn Hải	Hưng	06/02/1982	CĐR - HV	8	C202
18	CH281035	Nguyễn Mạnh	Hưng	13/09/1992	CĐR - HV	8	C202
19	CH270594	Nguyễn Văn	Hưng	01/06/1990	CĐR - HV	8	C202
20	CH280914	Trần Hiếu	Hưng	09/11/1996	CĐR - HV	8	C202
21	CH280608	Vương Đăng	Hưng	06/10/1990	CĐR - HV	8	C202
22	CH281083	Bùi Thị	Hương	09/11/1986	CĐR - HV	8	C202

DANH SÁCH PHÒNG THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NGÀY THI 25/10/2020

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Ghi chú	Phòng thi	GD thi
23	CH281084	Đàm Thị Thanh	Hương	15/10/1987	CĐR - HV	8	C202
24	CH281037	Đinh Thị Lan	Hương	04/12/1993	CĐR - HV	8	C202
25	CH280915	Đinh Thị Thu	Hương	09/10/1981	CĐR - HV	8	C202
26	CH281085	Dương Lan	Hương	18/10/1990	CĐR - HV	8	C202
27	CH280816	Lê Thị Thu	Hương	16/12/1982	CĐR - HV	8	C202
28	DHCC9134	Nguyễn Thị Lan	Hương	06/10/1981	CĐR - HV	8	C202
29	DHCC9328	Nguyễn Thị Mai	Hương	14/11/1991	CĐR - HV	8	C202
30	DHCC9135	Nguyễn Thị Sông	Hương	09/07/1982	CĐR - HV	8	C202
31	CH281039	Nguyễn Thị Thu	Hương	01/01/1988	CĐR - HV	8	C202
32	CH280966	Bê Thị Thu	Hương	19/11/1993	CĐR - HV	8	C202
33	DHCC9136	Nguyễn Xuân	Hương	13/09/1977	CĐR - HV	8	C202
34	DHCC9137	Hoàng Văn	Huy	18/05/1985	CĐR - HV	8	C202
1	DHCC9138	Lê Đình	Huy	22/11/1987	CĐR - HV	9	C203
2	CH280817	Mạc Quốc	Huy	29/09/1985	CĐR - HV	9	C203
3	CH280967	Nguyễn Ngọc	Huy	08/03/1977	CĐR - HV	9	C203
4	CH280053	Nguyễn Quang	Huy	16/12/1996	CĐR - HV	9	C203
5	DHCC9139	Nguyễn Quang	Huy	25/08/1990	CĐR - HV	9	C203
6	DHCC9140	Phạm Lê	Huy	18/05/1984	CĐR - HV	9	C203
7	CH280917	Phạm Thị	Huy	21/09/1986	CĐR - HV	9	C203
8	CH281151	Tăng Xuân	Huy	21/10/1986	CĐR - HV	9	C203
9	CH281041	Trần Quang	Huy	12/08/1994	CĐR - HV	9	C203
10	CH280918	Trịnh Vũ	Huy	27/12/1989	CĐR - HV	9	C203
11	CH280919	Bùi Thị	Huyền	15/06/1984	CĐR - HV	9	C203
12	CH281042	Đỗ Thanh Thanh	Huyền	13/12/1993	CĐR - HV	9	C203
13	CH281086	Hồ Thanh	Huyền	11/12/1986	CĐR - HV	9	C203
14	CH280146	Nguyễn Thanh	Huyền	12/09/1995	CĐR - HV	9	C203
15	CH280060	Nguyễn Thanh	Huyền	18/04/1990	CĐR - HV	9	C203
16	CH281152	Nguyễn Thị	Huyền	24/02/1990	CĐR - HV	9	C203
17	CH280920	Phạm Khánh	Huyền	25/01/1995	CĐR - HV	9	C203
18	CH280063	Phạm Thị	Huyền	09/11/1987	CĐR - HV	9	C203
19	CH280968	Phan Thị Hải	Huyền	25/05/1982	CĐR - HV	9	C203
20	CH281153	Hồ Ngọc	Huỳnh	28/12/1991	CĐR - HV	9	C203
21	CH281215	Lê Trọng	Khang	21/03/1974	CĐR - HV	9	C203
22	CH281087	Nguyễn Đoàn	Khang	20/03/1991	CĐR - HV	9	C203
23	DHCC9141	Trần	Khang	22/10/1982	CĐR - HV	9	C203
24	CH280147	Đoàn Xuân	Khánh	20/12/1996	CĐR - HV	9	C203
25	CH280818	Hoàng	Khánh	11/07/1983	CĐR - HV	9	C203
26	CH281043	Nguyễn Duy	Khánh	14/06/1992	CĐR - HV	9	C203
27	DHCC9142	Nguyễn Quốc	Khánh	02/09/1972	CĐR - HV	9	C203
28	CH280305	Nguyễn Việt	Khánh	17/11/1987	CĐR - HV	9	C203
29	CH280625	Trần Hoàng	Khánh	09/12/1994	CĐR - HV	9	C203
30	CH280969	Vũ Quang	Khánh	10/12/1982	CĐR - HV	9	C203
31	CH280183	Dương Văn	Khoa	31/10/1994	CĐR - HV	9	C203
32	CH280970	Nguyễn Minh	Khuong	25/08/1974	CĐR - HV	9	C203
33	DHCC9143	Hồ Hữu	Kiệm	22/11/1989	CĐR - HV	9	C203
34	DHCC9145	Nguyễn Trung	Kiên	27/07/1983	CĐR - HV	9	C203
1	CH280922	Phạm Chí	Kiên	07/04/1986	CĐR - HV	10	C205
2	CH281216	Hàng A	Ký	16/04/1982	CĐR - HV	10	C205
3	CH280307	Đặng Văn	La	05/12/1988	CĐR - HV	10	C205
4	CH270521	Nguyễn Trường	Lam	17/03/1980	CĐR - HV	10	C205
5	CH280245	Đinh Thái	Lâm	18/11/1992	CĐR - HV	10	C205
6	CH281155	Nguyễn Thiệu	Lâm	13/07/1974	CĐR - HV	10	C205

DANH SÁCH PHÒNG THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NGÀY THI 25/10/2020

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Ghi chú	Phòng thi	GĐ thi
7	CH281088	Nguyễn Tùng	Lâm	14/11/1995	CĐR - HV	10	C205
8	CH281089	Phạm Khánh	Lâm	05/11/1995	CĐR - HV	10	C205
9	CH280923	Bùi Thị Phương	Lan	20/07/1980	CĐR - HV	10	C205
10	CH280148	Lê Thị Phương	Lan	22/03/1995	CĐR - HV	10	C205
11	CH280149	Lưu Thị Mai	Lan	07/10/1994	CĐR - HV	10	C205
12	DHCC9329	Trần Thị Hương	Lan	08/07/1979	CĐR - HV	10	C205
13	CH281156	Đặng Thành	Lê	11/12/1990	CĐR - HV	10	C205
14	CH281090	Nguyễn Thanh	Liên	17/05/1987	CĐR - HV	10	C205
15	CH281157	Bạch Thị Kim	Liên	24/12/1981	CĐR - HV	10	C205
16	DHCC9147	Nghiêm Thị	Liên	10/10/1984	CĐR - HV	10	C205
17	DHCC9148	Phùng Bảo	Liên	16/06/1975	CĐR - HV	10	C205
18	CH281217	Chu Thị	Liều	07/08/1982	CĐR - HV	10	C205
19	CH280971	Bùi Vũ Khánh	Linh	10/08/1993	CĐR - HV	10	C205
20	CH280972	Đổng Khánh	Linh	02/09/1994	CĐR - HV	10	C205
21	CH281158	Hoàng Thị	Linh	20/02/1977	CĐR - HV	10	C205
22	CH280974	Nguyễn Thuý	Linh	22/09/1996	CĐR - HV	10	C205
23	CH280819	Nguyễn Thùy	Linh	29/08/1992	CĐR - HV	10	C205
24	DHCC9330	Phan Diệu	Linh	07/06/1992	CĐR - HV	10	C205
25	CH281159	Võ Hoàng	Linh	01/11/1997	CĐR - HV	10	C205
26	DHCC9152	Võ Thụy	Linh	12/08/1971	CĐR - HV	10	C205
27	CH281091	Đàm Thanh	Loan	01/06/1988	CĐR - HV	10	C205
28	DHCC9331	Nguyễn Văn	Lộc	28/08/1982	CĐR - HV	10	C205
29	CH281092	Nguyễn Đình	Lợi	26/03/1979	CĐR - HV	10	C205
30	CH280641	Bùi Duy	Long	04/08/1993	CĐR - HV	10	C205
31	CH280924	Hoàng	Long	20/11/1990	CĐR - HV	10	C205
32	DHCC9332	Kiều Nguyễn	Long	10/11/1983	CĐR - HV	10	C205
33	CH281044	Phạm Hoàng	Long	08/01/1993	CĐR - HV	10	C205
34	CH281218	Sùng A	Lù	20/10/1976	CĐR - HV	10	C205
1	CH280820	Nông Thị	Lương	22/08/1973	CĐR - HV	11	C206
2	DHCC9154	Diêm Thị	Luyến	27/06/1993	CĐR - HV	11	C206
3	DHCC9155	Lý Thanh	Luyến	11/01/1983	CĐR - HV	11	C206
4	CH280821	Đỗ Nông Mai	Ly	15/12/1995	CĐR - HV	11	C206
5	CH280644	Kiều Phương	Ly	09/11/1995	CĐR - HV	11	C206
6	CH280925	Nguyễn Thị	Lý	21/04/1983	CĐR - HV	11	C206
7	CH280151	Nguyễn Thị Hương	Lý	18/12/1985	CĐR - HV	11	C206
8	CH280822	Bùi Thị	Mai	12/09/1981	CĐR - HV	11	C206
9	DHCC9333	Đào Thị Phương	Mai	09/11/1974	CĐR - HV	11	C206
10	CH281045	Đỗ Thị	Mai	02/01/1984	CĐR - HV	11	C206
11	CH260416	Giáp Thị	Mai	20/11/1992	CĐR - HV	11	C206
12	CH280217	Lưu Thị Hồng	Mai	28/09/1995	CĐR - HV	11	C206
13	CH280975	Vũ Thị Tuyết	Mai	30/03/1976	CĐR - HV	11	C206
14	CH281160	Đặng Quang	Mạnh	15/03/1995	CĐR - HV	11	C206
15	CH281093	Đoàn Quang	Mạnh	27/11/1979	CĐR - HV	11	C206
16	DHCC9334	Lê Văn	Mạnh	17/11/1979	CĐR - HV	11	C206
17	DHCC9335	Nguyễn Văn	Mạnh	26/09/1988	CĐR - HV	11	C206
18	CH280194	Phan Tuyền	Mạnh	04/11/1976	CĐR - HV	11	C206
19	DHCC9336	Trần	Mạnh	04/11/1976	CĐR - HV	11	C206
20	DHCC9156	Trương Đình	Mào	20/06/1987	CĐR - HV	11	C206
21	CH281046	Nguyễn Nữ	MiHạnh	03/01/1991	CĐR - HV	11	C206
22	CH281047	Đặng Nhật	Minh	12/07/1996	CĐR - HV	11	C206
23	CH281161	Hoàng Ngọc	Minh	08/01/1970	CĐR - HV	11	C206
24	CH280976	Lục Xuân	Minh	08/07/1994	CĐR - HV	11	C206

DANH SÁCH PHÒNG THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NGÀY THI 25/10/2020

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Ghi chú	Phòng thi	GĐ thi
25	CH280648	Nguyễn Hữu	Minh	08/10/1994	CĐR - HV	11	C206
26	CH280977	Tô Quang	Minh	15/05/1996	CĐR - HV	11	C206
27	CH281094	Lò Thị Yên	My	05/04/1992	CĐR - HV	11	C206
28	DHCC9338	Võ Trà	My	11/10/1973	CĐR - HV	11	C206
29	DHCC9158	Đỗ Văn	Nam	22/11/1975	CĐR - HV	11	C206
30	CH280347	Hoàng	Nam	18/10/1996	CĐR - HV	11	C206
31	DHCC9159	Ngô Trường	Nam	01/10/1991	CĐR - HV	11	C206
32	CH281163	Nguyễn Hữu	Nam	06/11/1989	CĐR - HV	11	C206
33	DHCC9160	Nguyễn Tiên	Nam	06/03/1985	CĐR - HV	11	C206
34	CH280978	Chu Thị	Nga	11/11/1992	CĐR - HV	11	C206
1	CH280926	Đặng Quỳnh	Nga	16/06/1983	CĐR - HV	12	C207
2	CH281164	Đặng Thùy	Nga	16/01/1987	CĐR - HV	12	C207
3	CH270195	Đỗ Thanh	Nga	08/08/1995	CĐR - HV	12	C207
4	CH281219	Đỗ Thị Nguyệt	Nga	07/07/1984	CĐR - HV	12	C207
5	CH281166	Lê Thị	Nga	04/05/1982	CĐR - HV	12	C207
6	CH281048	Nguyễn Thị Thanh	Nga	03/08/1979	CĐR - HV	12	C207
7	CH281167	Phan Thị Việt	Nga	12/11/1986	CĐR - HV	12	C207
8	DHCC9161	Vương Thanh	Nga	21/10/1987	CĐR - HV	12	C207
9	CH280314	Ngô Dạ	Ngân	24/04/1995	CĐR - HV	12	C207
10	DHCC9162	Nguyễn Linh	Ngân	08/12/1983	CĐR - HV	12	C207
11	DHCC9163	Cao Văn	Nghĩa	09/02/1982	CĐR - HV	12	C207
12	CH280251	Lê Trọng	Nghĩa	03/11/1985	CĐR - HV	12	C207
13	CH280184	Trần Trí	Nghĩa	28/07/1995	CĐR - HV	12	C207
14	DHCC9339	Đặng Công	Ngọc	06/02/1983	CĐR - HV	12	C207
15	CH280927	Đặng Lê	Ngọc	20/06/1981	CĐR - HV	12	C207
16	CH281236	Lý Xuân	Ngọc	15/01/1972	CĐR - HV	12	C207
17	CH281095	Nguyễn Bích	Ngọc	31/10/1990	CĐR - HV	12	C207
18	CH280928	Nguyễn Bích	Ngọc	08/09/1994	CĐR - HV	12	C207
19	CH270602	Nguyễn Hồng	Ngọc	11/09/1995	CĐR - HV	12	C207
20	CH281096	Nguyễn Tuấn	Ngọc	26/06/1994	CĐR - HV	12	C207
21	CH281049	Bùi Thảo	Nguyên	15/01/1993	CĐR - HV	12	C207
22	CH280252	Đặng Văn	Nguyên	16/08/1989	CĐR - HV	12	C207
23	CH281169	Đoàn Thị Phương	Nguyên	12/11/1997	CĐR - HV	12	C207
24	CH281097	Lê Duy	Nguyên	15/05/1986	CĐR - HV	12	C207
25	CH281170	Nguyễn Thanh	Nguyên	28/04/1978	CĐR - HV	12	C207
26	CH280823	Phan Thành	Nguyên	02/05/1990	CĐR - HV	12	C207
27	DHCC9341	Bùi Thị	Nguyệt	17/03/1982	CĐR - HV	12	C207
28	CH280825	Đào Anh	Nguyệt	30/10/1986	CĐR - HV	12	C207
29	CH281050	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	31/03/1978	CĐR - HV	12	C207
30	CH280826	Đàm Thị Kiều	Nha	23/01/1990	CĐR - HV	12	C207
31	CH281220	Nguyễn Thị	Nhã	22/08/1978	CĐR - HV	12	C207
32	CH281098	Nguyễn Văn	Nhã	14/02/1978	CĐR - HV	12	C207
33	CH280979	Vì Minh	Nhâm	08/10/1990	CĐR - HV	12	C207
34	CH281099	Nguyễn Thị	Nhân	22/10/1991	CĐR - HV	12	C207
1	DHCC9164	Bùi Duy	Nhân	17/12/1980	CĐR - HV	13	C208
2	DHCC6252	Vũ Đức	Nhận	27/10/1984	CĐR - HV	13	C208
3	CH281051	Đặng Minh	Nhật	23/08/1995	CĐR - HV	13	C208
4	CH280980	Lê Thị Mai	Như	25/09/1996	CĐR - HV	13	C208
5	CH281100	Nguyễn Hồng	Nhung	02/09/1985	CĐR - HV	13	C208
6	CH280981	Nguyễn Hồng	Nhung	14/06/1993	CĐR - HV	13	C208
7	CH280666	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	14/10/1995	CĐR - HV	13	C208
8	CH280828	Phan Thị Hồng	Nhung	27/10/1988	CĐR - HV	13	C208

DANH SÁCH PHÒNG THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NGÀY THI 25/10/2020

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Ghi chú	Phòng thi	GD thi
9	CH281101	Trần Hồng	Nhung	24/05/1989	CĐR - HV	13	C208
10	CH281052	Lê Văn	Nhượng	18/10/1982	CĐR - HV	13	C208
11	CH280982	Dương Thị	Nương	15/06/1988	CĐR - HV	13	C208
12	CH280983	Hoàng Thị	Oanh	18/08/1992	CĐR - HV	13	C208
13	CH280829	Hoàng Thị Kiều	Oanh	08/07/1983	CĐR - HV	13	C208
14	CH281171	Lê Thị Kiều	Oanh	03/05/1983	CĐR - HV	13	C208
15	CH281172	Lương Thị	Pá	25/09/1984	CĐR - HV	13	C208
16	CH281173	Nguyễn Vũ	Phong	01/11/1992	CĐR - HV	13	C208
17	DHCC9342	Phan Quốc	Phong	12/08/1981	CĐR - HV	13	C208
18	DHCC9165	Nguyễn Đức	Phú	07/08/1980	CĐR - HV	13	C208
19	CH281102	Nguyễn Ngọc	Phúc	15/04/1986	CĐR - HV	13	C208
20	CH280406	Nguyễn Tiên	Phúc	29/12/1993	CĐR - HV	13	C208
21	DHCC9343	Bùi Thanh	Phuong	25/04/1985	CĐR - HV	13	C208
22	CH281103	Hoàng Mai	Phuong	11/08/1995	CĐR - HV	13	C208
23	CH280672	Mai Trương Hà	Phuong	30/06/1996	CĐR - HV	13	C208
24	CH281222	Nguyễn Anh	Phuong	18/09/1976	CĐR - HV	13	C208
25	CH280830	Nguyễn Bích	Phuong	11/10/1990	CĐR - HV	13	C208
26	CH280929	Nguyễn Hà	Phuong	21/10/1996	CĐR - HV	13	C208
27	DHCC9345	Nguyễn Việt	Phuong	27/12/1982	CĐR - HV	13	C208
28	CH280930	Phạm Thị Mai	Phuong	02/10/1983	CĐR - HV	13	C208
29	CH281053	Phan Thanh	Phuong	03/07/1972	CĐR - HV	13	C208
30	CH280984	Dương Thị Kim	Phượng	20/05/1990	CĐR - HV	13	C208
31	CH280681	Nguyễn Thị	Phượng	28/09/1984	CĐR - HV	13	C208
32	CH281104	Nguyễn Thị	Phượng	10/01/1981	CĐR - HV	13	C208
33	DHCC9166	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	23/04/1978	CĐR - HV	13	C208
34	CH281223	Cao Ngọc	Quân	20/01/1990	CĐR - HV	13	C208
1	CH280086	Đinh Hồng	Quân	18/09/1992	CĐR - HV	14	C301
2	CH281054	Nguyễn Quốc	Quân	05/08/1981	CĐR - HV	14	C301
3	CH281174	Nguyễn Thế	Quân	01/01/1982	CĐR - HV	14	C301
4	CH280685	Trần Hoàng	Quân	02/06/1996	CĐR - HV	14	C301
5	CH280321	Nguyễn Huy	Quang	22/02/1995	CĐR - HV	14	C301
6	CH281176	Ngô Trọng	Quý	13/08/1993	CĐR - HV	14	C301
7	DHCC9167	Phan Chính	Quý	02/04/1981	CĐR - HV	14	C301
8	CH280985	Nguyễn Thị Thu	Quyên	07/01/1984	CĐR - HV	14	C301
9	CH281105	Lò Văn	Quyết	08/03/1979	CĐR - HV	14	C301
10	CH281106	Bùi Như	Quỳnh	09/09/1994	CĐR - HV	14	C301
11	CH281177	Hồ Ngọc	Quỳnh	04/01/1981	CĐR - HV	14	C301
12	CH280087	Nguyễn Diệu	Quỳnh	19/08/1995	CĐR - HV	14	C301
13	CH280695	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	24/04/1993	CĐR - HV	14	C301
14	CH280697	Vũ Như	Quỳnh	07/01/1995	CĐR - HV	14	C301
15	CH280931	Đỗ Văn	Sang	13/06/1967	CĐR - HV	14	C301
16	CH280196	Nguyễn Đình Tấn	Sang	29/07/1997	CĐR - HV	14	C301
17	CH280986	Hà Quốc	Son	21/02/1995	CĐR - HV	14	C301
18	CH270485	Hoàng Nam	Son	08/02/1994	CĐR - HV	14	C301
19	CH280831	Nguyễn Đình	Son	18/01/1982	CĐR - HV	14	C301
20	CH281224	Nguyễn Đình	Son	15/10/1983	CĐR - HV	14	C301
21	DHCC9169	Nguyễn Quế	Son	23/12/1978	CĐR - HV	14	C301
22	DHCC9346	Nguyễn Văn	Son	28/03/1986	CĐR - HV	14	C301
23	CH281107	Phạm Quang	Son	19/07/1979	CĐR - HV	14	C301
24	CH281225	Giàng A	Sùng	18/11/1979	CĐR - HV	14	C301
25	DHCC9170	Lê Hồng	Sỹ	07/04/1980	CĐR - HV	14	C301
26	CH281226	Đoàn Thị Thanh	Tâm	23/12/1980	CĐR - HV	14	C301

DANH SÁCH PHÒNG THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NGÀY THI 25/10/2020

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Ghi chú	Phòng thi	GD thi
27	CH281178	Lê Minh	Tâm	09/08/1986	CĐR - HV	14	C301
28	CH280987	Nguyễn Thị	Tâm	21/05/1987	CĐR - HV	14	C301
29	CH280932	Nguyễn Tiên	Tân	05/05/1991	CĐR - HV	14	C301
30	DHCC9347	Đinh Gia	Tăng	16/07/1974	CĐR - HV	14	C301
31	DHCC9348	Nguyễn Đoàn	Thái	14/06/1981	CĐR - HV	14	C301
32	CH280933	Phùng Văn	Thái	19/02/1982	CĐR - HV	14	C301
33	CH280832	Đỗ Thị	Thắm	09/06/1984	CĐR - HV	14	C301
34	DHCC9349	Nguyễn Thê	Thăng	28/06/1989	CĐR - HV	14	C301
1	CH280833	Bùi Huy	Thăng	20/10/1984	CĐR - HV	15	C302
2	CH280934	Bùi Văn	Thăng	19/02/1994	CĐR - HV	15	C302
3	DHCC9174	Đặng Tiến	Thăng	29/09/1983	CĐR - HV	15	C302
4	CH280988	Đặng Văn	Thăng	17/07/1986	CĐR - HV	15	C302
5	CH280700	Đỗ Văn	Thăng	26/09/1992	CĐR - HV	15	C302
6	CH281227	Lê Đức	Thăng	04/04/1983	CĐR - HV	15	C302
7	CH280989	Lô Đức	Thăng	27/07/1975	CĐR - HV	15	C302
8	DHCC9350	Nguyễn Kim	Thăng	05/09/1983	CĐR - HV	15	C302
9	DHCC9351	Nguyễn Mạnh	Thăng	07/04/1977	CĐR - HV	15	C302
10	CH280701	Nguyễn Minh	Thăng	07/05/1994	CĐR - HV	15	C302
11	CH281179	Nguyễn Sỹ	Thăng	29/07/1985	CĐR - HV	15	C302
12	CH260421	Phạm Văn	Thăng	08/04/1990	CĐR - HV	15	C302
13	DHCC9175	Phan Văn	Thăng	10/01/1981	CĐR - HV	15	C302
14	DHCC9352	Vũ Anh	Thăng	20/07/1975	CĐR - HV	15	C302
15	CH280097	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	29/05/1994	CĐR - HV	15	C302
16	CH281180	Cao Xuân	Thành	12/06/1983	CĐR - HV	15	C302
17	CH280935	Đào Trọng	Thành	11/07/1977	CĐR - HV	15	C302
18	CH250107	Đỗ Đặng Đăng	Thành	22/06/1992	CĐR - HV	15	C302
19	DHCC9176	Lê Minh	Thành	19/05/1986	CĐR - HV	15	C302
20	DHCC9177	Lương Công	Thành	10/08/1982	CĐR - HV	15	C302
21	CH280152	Nguyễn Đức	Thành	07/10/1996	CĐR - HV	15	C302
22	DHCC9353	Nguyễn Quang	Thành	13/05/1984	CĐR - HV	15	C302
23	CH280990	Phạm Minh	Thành	25/10/1988	CĐR - HV	15	C302
24	DHCC9178	Phùng Tiến	Thành	10/02/1972	CĐR - HV	15	C302
25	CH270250	Tô Tiến	Thành	06/08/1992	CĐR - HV	15	C302
26	DHCC9180	Trung Quang	Thành	14/05/1986	CĐR - HV	15	C302
27	CH281181	Hồ Thị Phương	Thảo	28/12/1987	CĐR - HV	15	C302
28	CH280707	Hồ Thị Thu	Thảo	02/02/1987	CĐR - HV	15	C302
29	CH280410	Lê Thị Phương	Thảo	23/08/1992	CĐR - HV	15	C302
30	CH281108	Lê Thị Thu	Thảo	25/05/1993	CĐR - HV	15	C302
31	CH280105	Nguyễn Thị Minh	Thảo	28/10/1990	CĐR - HV	15	C302
32	CH281182	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	19/12/1990	CĐR - HV	15	C302
33	CH280710	Nguyễn Thị Thu	Thảo	15/08/1995	CĐR - HV	15	C302
34	CH280991	Vì Thị Phương	Thảo	06/11/1996	CĐR - HV	15	C302
1	CH281183	Hoàng Mạnh	Thiên	20/01/1982	CĐR - HV	16	C303
2	CH280153	Nguyễn Quang	Thiện	03/12/1992	CĐR - HV	16	C303
3	CH260650	Trần Đức	Thiệp	26/12/1987	CĐR - HV	16	C303
4	DHCC9355	Lê Văn	Thìn	02/04/1976	CĐR - HV	16	C303
5	CH281228	Phạm Đức	Thịnh	20/10/1985	CĐR - HV	16	C303
6	CH281184	Trần Quốc	Thịnh	05/08/1991	CĐR - HV	16	C303
7	CH280992	Vũ Văn	Thọ	10/02/1975	CĐR - HV	16	C303
8	CH281185	Phạm Thị	Thỏa	01/08/1989	CĐR - HV	16	C303
9	CH281109	Bùi Khắc	Thời	18/06/1987	CĐR - HV	16	C303
10	CH281186	Lưu Thị	Thơm	19/02/1995	CĐR - HV	16	C303

DANH SÁCH PHÒNG THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NGÀY THI 25/10/2020

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Ghi chú	Phòng thi	GD thi
11	DHCC9357	Nguyễn Quang	Thông	03/04/1975	CĐR - HV	16	C303
12	CH281187	Hoàng Thị Ngọc	Thu	05/03/1975	CĐR - HV	16	C303
13	CH280937	Lê Anh	Thu	10/08/1990	CĐR - HV	16	C303
14	CH280718	Nguyễn Thị Hà	Thu	18/03/1994	CĐR - HV	16	C303
15	CH280109	Vũ Thị	Thu	02/03/1995	CĐR - HV	16	C303
16	CH280993	Đinh Thị Anh	Thư	27/03/1985	CĐR - HV	16	C303
17	CH280343	Lê Minh	Thư	12/10/1986	CĐR - HV	16	C303
18	CH280938	Nguyễn Thị Bích	Thuận	25/06/1982	CĐR - HV	16	C303
19	CH280834	Nông Văn	Thuận	20/03/1983	CĐR - HV	16	C303
20	DHCC9182	Kiều Công	Thước	24/07/1978	CĐR - HV	16	C303
21	CH281055	Nguyễn Tiên	Thượng	28/10/1981	CĐR - HV	16	C303
22	CH280939	Nguyễn Thị	Thúy	30/01/1984	CĐR - HV	16	C303
23	CH280994	Phạm Thị Hồng	Thúy	15/04/1991	CĐR - HV	16	C303
24	DHCC9183	Đinh Thị	Thùy	09/12/1987	CĐR - HV	16	C303
25	CH281229	Đào Thị Thu	Thủy	01/03/1979	CĐR - HV	16	C303
26	CH250110	Hoàng Thị Thu	Thủy	03/10/1989	CĐR - HV	16	C303
27	DHCC9358	Lưu Xuân	Thủy	01/08/1973	CĐR - HV	16	C303
28	CH281230	Nguyễn Anh	Thủy	09/06/1979	CĐR - HV	16	C303
29	CH280940	Nguyễn Thị Thu	Thủy	24/04/1995	CĐR - HV	16	C303
30	CH281057	Nguyễn Thị Thu	Thủy	21/06/1980	CĐR - HV	16	C303
31	DHCC9184	Phạm Thu	Thủy	31/03/1983	CĐR - HV	16	C303
32	CH281110	Tô Thị Thanh	Thủy	05/01/1989	CĐR - HV	16	C303
33	CH280887	Trần Lệ	Thủy	27/08/1979	CĐR - HV	16	C303
34	DHCC9359	Trần Văn	Thủy	07/02/1980	CĐR - HV	16	C303
1	DHCC9185	Phạm Ngọc	Thuy	06/03/1990	CĐR - HV	17	C304
2	CH281058	Đỗ Minh	Tiến	28/12/1992	CĐR - HV	17	C304
3	DHCC9360	Nguyễn Hữu	Tiến	02/11/1981	CĐR - HV	17	C304
4	CH281059	Nguyễn Kim Việt	Tiến	21/12/1995	CĐR - HV	17	C304
5	CH280941	Nguyễn Trọng	Tiến	16/09/1982	CĐR - HV	17	C304
6	CH281111	Nguyễn Văn	Tiến	19/05/1984	CĐR - HV	17	C304
7	CH280414	Trần Mạnh	Tiến	29/05/1990	CĐR - HV	17	C304
8	DHCC9361	Trần Quang	Tiến	13/01/1976	CĐR - HV	17	C304
9	CH240238	Võ Tá	Tĩnh	01/01/1984	CĐR - HV	17	C304
10	DHCC9362	Đỗ Đức	Toàn	25/09/1978	CĐR - HV	17	C304
11	CH261174	Trần Quang	Toàn	29/02/1984	CĐR - HV	17	C304
12	CH281188	Đinh Thị Hương	Trà	12/05/1994	CĐR - HV	17	C304
13	DHCC9188	Phạm Thị Thanh	Trà	04/06/1975	CĐR - HV	17	C304
14	DHCC9189	Trần Thị Thanh	Trà	25/12/1983	CĐR - HV	17	C304
15	CH281189	Bùi Hà Ngọc	Trâm	28/02/1994	CĐR - HV	17	C304
16	CH280334	Đỗ Thị Thủy	Trang	05/08/1996	CĐR - HV	17	C304
17	CH280942	Hà Thiên	Trang	18/06/1991	CĐR - HV	17	C304
18	CH280117	Lê Hồng	Trang	27/01/1995	CĐR - HV	17	C304
19	CH280156	Lê Thị Linh	Trang	19/05/1995	CĐR - HV	17	C304
20	CH280157	Lê Thu	Trang	08/05/1990	CĐR - HV	17	C304
21	CH280734	Lê Thu	Trang	20/01/1993	CĐR - HV	17	C304
22	DHCC9191	Nguyễn Bội	Trang	22/02/1983	CĐR - HV	17	C304
23	CH280943	Nguyễn Đức	Trang	26/09/1979	CĐR - HV	17	C304
24	DHCC9192	Nguyễn Minh	Trang	08/11/1983	CĐR - HV	17	C304
25	DHCC9364	Nguyễn Ngọc	Trang	10/01/1980	CĐR - HV	17	C304
26	CH281192	Nguyễn Như	Trang	03/05/1988	CĐR - HV	17	C304
27	CH280171	Nguyễn Phan Kiều	Trang	21/09/1996	CĐR - HV	17	C304
28	CH281112	Nguyễn Thị Huyền	Trang	29/11/1986	CĐR - HV	17	C304

DANH SÁCH PHÒNG THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NGÀY THI 25/10/2020

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Ghi chú	Phòng thi	GD thi
29	DHCC9193	Nguyễn Thị Huyền	Trang	01/12/1986	CĐR - HV	17	C304
30	CH281191	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	23/12/1995	CĐR - HV	17	C304
31	CH280120	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/08/1987	CĐR - HV	17	C304
32	CH280737	Nguyễn Thùy	Trang	03/09/1994	CĐR - HV	17	C304
33	CH270130	Phạm Thị	Trang	15/09/1993	CĐR - HV	17	C304
34	CH281060	Phạm Thu	Trang	09/09/1995	CĐR - HV	17	C304
1	CH270202	Phạm Thùy	Trang	28/07/1993	CĐR - HV	18	C305
2	CH281114	Trần Huyền	Trang	05/12/1996	CĐR - HV	18	C305
3	CH281113	Trần Thị Kiều	Trang	23/05/1989	CĐR - HV	18	C305
4	CH270205	Bùi Việt	Trình	23/08/1994	CĐR - HV	18	C305
5	CH280944	Bùi Đức	Trọng	09/11/1993	CĐR - HV	18	C305
6	CH280995	Hoàng Văn	Trọng	20/09/1987	CĐR - HV	18	C305
7	CH280996	Hoàng Văn	Trung	06/05/1978	CĐR - HV	18	C305
8	CH280835	Nguyễn Thành	Trung	26/07/1984	CĐR - HV	18	C305
9	CH280141	Phan Đức	Trung	12/03/1996	CĐR - HV	18	C305
10	CH281115	Trần Nam	Trung	05/11/1981	CĐR - HV	18	C305
11	DHCC9194	Võ Ngọc	Trung	24/10/1981	CĐR - HV	18	C305
12	CH281116	Vũ Ngọc	Trung	23/09/1987	CĐR - HV	18	C305
13	CH280174	Lê Xuân	Trường	21/06/1987	CĐR - HV	18	C305
14	CH280836	Đinh Trọng	Trường	14/06/1983	CĐR - HV	18	C305
15	DHCC9195	Bùi Anh	Tú	14/11/1982	CĐR - HV	18	C305
16	DHCC9196	Nguyễn Ngọc	Tú	05/05/1987	CĐR - HV	18	C305
17	CH280175	Nguyễn Thanh	Tú	14/05/1995	CĐR - HV	18	C305
18	CH280176	Nguyễn Thanh	Tú	29/09/1996	CĐR - HV	18	C305
19	DHCC9197	Đào Văn	Tuân	11/04/1985	CĐR - HV	18	C305
20	CH280837	Triệu Minh	Tuân	02/04/1997	CĐR - HV	18	C305
21	CH281193	Đinh Quốc	Tuấn	08/07/1992	CĐR - HV	18	C305
22	DHCC9199	Lê Thanh	Tuấn	15/11/1987	CĐR - HV	18	C305
23	CH280336	Lê Việt	Tuấn	15/10/1990	CĐR - HV	18	C305
24	CH281117	Mai Anh	Tuấn	18/02/1987	CĐR - HV	18	C305
25	CH281194	Nguyễn Anh	Tuấn	08/08/1978	CĐR - HV	18	C305
26	CH281062	Nguyễn Anh	Tuấn	03/09/1994	CĐR - HV	18	C305
27	DHCC9200	Nguyễn Đức	Tuấn	15/11/1988	CĐR - HV	18	C305
28	CH280945	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	11/11/1991	CĐR - HV	18	C305
29	CH280838	Nguyễn Văn	Tuấn	03/05/1979	CĐR - HV	18	C305
30	CH281231	Tạ Anh	Tuấn	07/12/1977	CĐR - HV	18	C305
31	DHCC9201	Trần Anh	Tuấn	05/11/1978	CĐR - HV	18	C305
32	DHCC9202	Trần Quốc	Tuấn	21/01/1981	CĐR - HV	18	C305
33	CH280839	Vũ Anh	Tuấn	19/11/1990	CĐR - HV	18	C305
34	CH281232	Vũ Hoàng	Tuấn	10/04/1979	CĐR - HV	18	C305
1	CH280424	Lê Ngọc	Tuệ	10/09/1993	CĐR - HV	19	C306
2	DHCC9203	Đào Thị Thanh	Tùng	02/09/1975	CĐR - HV	19	C306
3	CH280425	Hoàng Đình	Tùng	05/06/1994	CĐR - HV	19	C306
4	CH280997	Ngô Huy	Tùng	11/11/1983	CĐR - HV	19	C306
5	CH280337	Phan Quang	Tùng	28/05/1983	CĐR - HV	19	C306
6	DHCC9366	Vũ Sơn	Tùng	13/03/1996	CĐR - HV	19	C306
7	CH280840	Vương Thanh	Tùng	10/06/1990	CĐR - HV	19	C306
8	DHCC9367	Nguyễn Bá	Tuyền	20/01/1982	CĐR - HV	19	C306
9	CH281195	Lê Văn	Tuyền	20/10/1991	CĐR - HV	19	C306
10	DHCC9205	Phạm Ngọc	Tuyền	03/01/1987	CĐR - HV	19	C306
11	CH280841	Nguyễn Thị	Tuyết	06/09/1990	CĐR - HV	19	C306
12	CH280842	Lê Thị Kiều	Vân	14/10/1980	CĐR - HV	19	C306

DANH SÁCH PHÒNG THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NGÀY THI 25/10/2020

STT	Mã HV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Ghi chú	Phòng thi	GĐ thi
13	CH270260	Lưu Hồng	Vân	14/04/1992	CĐR - HV	19	C306
14	CH281196	Nguyễn Thị	Vân	29/01/1983	CĐR - HV	19	C306
15	CH280946	Nguyễn Thị Hồng	Vân	26/08/1990	CĐR - HV	19	C306
16	DHCC9206	Nguyễn Thị Hồng	Vân	22/09/1988	CĐR - HV	19	C306
17	CH280132	Vũ Hải	Vân	11/01/1990	CĐR - HV	19	C306
18	CH280998	Đào Quốc	Việt	08/08/1983	CĐR - HV	19	C306
19	CH280757	Nguyễn Tân	Việt	15/07/1988	CĐR - HV	19	C306
20	CH281119	Phạm Quốc	Việt	04/09/1987	CĐR - HV	19	C306
21	DHCC9207	Đinh Quang	Vinh	22/12/1990	CĐR - HV	19	C306
22	DHCC9368	Nguyễn Hoàng	Vinh	28/09/1980	CĐR - HV	19	C306
23	DHCC9369	Nguyễn Tuấn	Vinh	24/04/1983	CĐR - HV	19	C306
24	CH281197	Nguyễn Việt	Vinh	14/03/1985	CĐR - HV	19	C306
25	DHCC9208	Nguyễn Quang	Vinh	02/11/1980	CĐR - HV	19	C306
26	CH281233	Lê Tiến	Vũ	28/08/1973	CĐR - HV	19	C306
27	DHCC9209	Lưu Tuấn	Vũ	27/03/1992	CĐR - HV	19	C306
28	CH281198	Đinh Thị Huyền	Vy	24/05/1993	CĐR - HV	19	C306
29	CH280947	Ngô Tuấn	Vỹ	23/02/1993	CĐR - HV	19	C306
30	CH281063	Lê Thị	Xuân	29/05/1989	CĐR - HV	19	C306
31	CH281234	Lê Thị Thanh	Yên	12/10/1983	CĐR - HV	19	C306
32	CH280999	Hoàng Thị Tiểu	Yên	13/02/1995	CĐR - HV	19	C306
33	CH281000	Lê Hải	Yên	15/11/1975	CĐR - HV	19	C306
34	DHCC9212	Phạm Thị Hải	Yên	27/06/1981	CĐR - HV	19	C306
1	NCS38.084KT	Trịnh Việt	Giang	22/10/1979	CĐR-NCS	20	C307
2	NCS37.001KTH	Trần Thị Thúy	Hằng	04/12/1989	CĐR-NCS	20	C307
3	NCS38.031QTK	Nguyễn Đức	Hòa	02/01/1985	CĐR-NCS	20	C307
4	NCS38.003KTH	Vũ Thị Thanh	Huyền	04/07/1984	CĐR-NCS	20	C307
5	NCS38.018PT	Giao Thị Khánh	Ngọc	30/08/1981	CĐR-NCS	20	C307
6	NCS35.06B2TKT	Lâm Văn	Son	09/10/1980	CĐR-NCS	20	C307
7	NCS38.051BDS	Trần Thị Minh	Thư	05/10/1984	CĐR-NCS	20	C307
8	NCS38.072TC	Nguyễn Quỳnh	Trang	17/11/1990	CĐR-NCS	20	C307
9	NCS38.095KT	Trương Văn	Tú	22/04/1987	CĐR-NCS	20	C307
10	NCS38.021PT	Giao Thị Hoàng	Yên	20/09/1989	CĐR-NCS	20	C307